

Số: /BC-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản**

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 64/TB-VPCP ngày 04/02/2026 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động rà soát, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và dự thảo Nghị định quy định một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP). Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng kết việc thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, kính Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà kết quả thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP như sau:

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018) (sau đây gọi là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP). Kết quả thực hiện như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1.1. Bối cảnh trong nước**

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được ban hành nhằm triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển ngành thủy sản, đặc biệt là khai thác hải sản xa bờ, hiện đại hóa đội tàu cá và cải thiện đời sống ngư dân. Sau một thời gian thực hiện, nghị định đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế thủy sản, tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đóng mới, nâng cấp tàu cá, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và tham gia bảo hiểm trong hoạt động khai thác thủy sản. Năng lực khai thác xa bờ của đội tàu cá Việt Nam được tăng cường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển, đồng thời hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển, tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế và bất cập. Một số chính sách hỗ trợ chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất của ngư dân; hiệu quả hoạt động của một số tàu cá đóng mới, đặc biệt là tàu vỏ thép, chưa đạt như kỳ vọng; việc tiếp cận vốn tín dụng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của một bộ phận ngư dân gặp khó khăn; cơ chế bảo hiểm và hỗ trợ sau đầu tư còn nhiều vướng mắc. Bên cạnh đó, việc triển khai các chính sách chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu quản lý

khai thác bền vững và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dẫn đến hiệu quả tổng thể của chính sách chưa đồng đều giữa các địa phương.

Bên cạnh đó, Luật Thủy sản năm 2017 với nhiều quy định mới về quản lý nghề cá có trách nhiệm, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), về tổ chức lại sản xuất trong khai thác thủy sản theo chuỗi giá trị, về phát triển nuôi biển đã đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan. Một số nội dung của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP không còn phù hợp với quy định mới của Luật Thủy sản và thực tiễn phát triển của ngành.

Ngoài ra, ngành thủy sản Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ quá trình tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong đó, định hướng quan trọng là giảm dần cường lực khai thác ven bờ, tổ chức lại hoạt động khai thác xa bờ theo hướng hiện đại, tăng cường liên kết sản xuất, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và ứng dụng khoa học - công nghệ trong khai thác, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Đảng và nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển khai thác xa bờ. Số tàu khai thác xa bờ tăng nhanh từ khoảng 1.300 tàu (năm 1997) tăng lên gần 28.000 tàu (năm 2014). Khai thác xa bờ giai đoạn này mới phát triển theo chiều rộng, tàu đóng kích thước và công suất ngày càng lớn nhưng công nghệ khai thác và bảo quản, vật liệu đóng tàu còn lạc hậu, ít thay đổi. Tình trạng thiếu lao động trong khai thác hải sản vẫn diễn ra phổ biến nhiều địa phương, nhất là các lao động lành nghề, những lao động đã qua đào tạo. Nhiều chủ tàu rất khó khăn trong việc tìm kiếm lao động để đi biển. Các cơ sở hậu cần nghề cá như cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão đã được quy hoạch, nhưng đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế phục vụ sản xuất, tình trạng thiếu cảng để neo đậu và bốc dỡ sản phẩm khai thác trở lên bức xúc. Đặc biệt khi tàu cá được đầu tư đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày càng lớn hơn thì số lượng cảng, khu neo đậu tránh trú bão đáp ứng yêu cầu cho tàu cập cảng, neo đậu ngày càng ít. Quá trình này đòi hỏi hệ thống chính sách hỗ trợ phải được điều chỉnh phù hợp, bảo đảm vừa thúc đẩy phát triển sản xuất, vừa gắn với quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thích ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Mặt khác, trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045, ngành thủy sản tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế biển, tạo sinh kế cho hàng triệu lao động ven biển và đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Đồng thời, hoạt động khai thác thủy sản còn gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và giữ gìn an ninh trên các vùng biển của Tổ quốc.

1.2. Bối cảnh quốc tế

Tình hình an ninh trật tự, trên biển còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, Trung quốc ngày càng thực hiện yêu sách phi lý về đường lưỡi bò chiếm trên 80% diện tích biển Đông, tăng cường kiểm soát hoạt động khai thác trên biển, bắt giữ trái phép tàu cá và ngư dân trên các vùng biển tranh chấp, tôn tạo, kiểm soát các vùng biển vốn là ngư trường truyền thống của ngư dân Việt Nam. Vì vậy các ngư

trường khai thác của ngư dân ta bị thu hẹp đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đội tàu đóng theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường biển và suy giảm nguồn lợi thủy sản đang trở thành những thách thức lớn đối với ngành thủy sản toàn cầu. Thời tiết tiếp tục có những diễn biến bất thường, sự nóng lên của trái đất dẫn đến nguồn lợi thay đổi, biến động cả về số lượng và chất lượng không theo quy luật phân bố, trong khi nghề nghiệp, công nghệ khai thác, tập quán của ngư dân ít thay đổi, không theo kịp chưa tạo được những bước tiến đáng kể trong khai thác thủy sản, trong đó có đội tàu được đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Từ bối cảnh nêu trên, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách phát triển thủy sản theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, đồng thời hỗ trợ ngư dân chuyển đổi phương thức sản xuất, ứng dụng công nghệ hiện đại và tham gia vào chuỗi giá trị thủy sản toàn cầu.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện tổng kết, đánh giá trên cơ sở báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, các văn bản kiến nghị của địa phương khi thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và qua công tác tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Việc tổng kết nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình triển khai, đánh giá, tổng kết những khó khăn, vướng mắc, bất cập; từ đó đề xuất các phương hướng, giải pháp tháo gỡ, trong đó việc thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP là cần thiết.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Ngay khi Nghị định 67/2014/NĐ-CP được ban hành, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các Bộ, Ngành liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn kịp thời khi Nghị định 67/2014/NĐ-CP có hiệu lực để tổ chức thực hiện ngay và đồng bộ các chính sách.

- Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP tại tỉnh Khánh Hòa; Hội nghị trực tuyến toàn quốc về 01 năm triển khai thực hiện Nghị định.

- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh đã chủ trì 04 Hội nghị để triển khai Nghị định, cũng như kịp thời chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định (*thông báo kết luận số: 254/VPCP-KTN ngày 13/01/2015, 48/TB-VPCP ngày 12/2/2014, 173/TB-VPCP ngày 20/5/2015 của Văn phòng Chính phủ và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 01/6/2015 của Chính phủ*). Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị 03 năm triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Để tháo gỡ khó khăn, các chính sách tiếp tục đi sâu hơn vào cuộc sống, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ, Quyết định 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Ngày 31/12/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 113/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2016, trong đó cho phép kéo dài thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP đến 31/12/2017.

- Ngày 02/02/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 17/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

1.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

- Tổ chức các Hội nghị triển khai, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định 89/2015/NĐ-CP; kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Ban hành 04 Thông tư, 05 Quyết định, 40 văn bản hướng dẫn triển khai.

- Tổ chức các đoàn công tác của Bộ tới làm việc với các địa phương nắm tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương và một số khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị tổng kết đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP. Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định 17/2018/NĐ-CP.

1.3. Bộ Tài chính

Tổ chức Hội nghị triển khai; cấp kinh phí cho các địa phương thực hiện Nghị định; Tổ chức các đoàn công tác của Bộ tới các địa phương kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về việc ban hành chính sách thí điểm hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với ngư dân đóng mới tàu cá công suất từ 400CV trở lên.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Ban hành 05 Thông tư, 01 Quyết định và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn cho các địa phương về chính sách bảo hiểm; cấp kinh phí cho các địa phương thực hiện Nghị định.

1.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Tổ chức Hội nghị triển khai chính sách tín dụng. Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay vốn lưu động phục vụ khai thác hải sản xa bờ từ 7%/năm xuống 6,5%/năm.
- Ban hành 03 Thông tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định.
- Thành lập Đoàn công tác đi khảo sát, đánh giá tình hình triển khai Nghị định 67 tại các địa phương để tháo gỡ khó khăn trong triển thực hiện. Đồng thời tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với ngư dân để nắm bắt khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chương trình từ đó có đề xuất xử lý phù hợp; kịp thời có văn bản chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai.

1.5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.
- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định 60/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, trong đó đề xuất chương trình phát triển thủy sản bền vững gồm các nội dung đầu tư: Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng cơ sở sản xuất giống thủy sản.
- Triển khai công tác xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo Luật Đầu tư công và Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Công tác triển khai thực hiện tại địa phương

- Tổ chức Hội nghị triển khai, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định, nội dung của Nghị định đến với ngư dân.
- Ban hành tiêu chí, tổ chức xét duyệt chủ tàu đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, công bố các cơ sở đóng mới, nâng cấp sửa chữa tàu cá đủ điều kiện và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông báo trên toàn quốc cho ngư dân biết và lựa chọn cơ sở đóng tàu.
- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, vùng nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản tập trung trên địa bàn để tổng hợp đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư; báo cáo Bộ, ngành có liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Thực hiện thiết kế mẫu tàu cá vỏ gỗ khai thác, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp với tập quán, đặc trưng vùng biển của địa phương và khu vực.

- Xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện Nghị định để báo cáo Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan.

- Tích cực triển khai, kịp thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện về các Bộ, ngành liên quan để có giải pháp tháo gỡ.

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Sau 11 năm triển khai thực hiện, Nghị định 67/2014/NĐ-CP và các chính sách phát triển thủy sản đã thực sự đi vào cuộc sống, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo ngư dân; mục tiêu hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được, số lượng tàu khai thác gần bờ giảm (12,1%), số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng (27%); tai nạn tàu cá giảm đáng kể; góp phần tích cực bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển; ngư dân yên tâm bám biển sản xuất, đời sống người dân được nâng lên, nhiều mô hình liên kết sản xuất trên biển đã hình thành và phát triển. Đã đầu tư hoàn thành 191 dự án, bao gồm: (1) Về cảng cá: Đã đầu tư hoàn thành 28 cảng cá, lượng thủy sản qua cảng đạt tấn/năm; (2) Về khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Đã đầu tư hoàn thành 67 khu neo đậu tránh trú bão với tổng công suất neo đậu tăng thêm 37.400 tàu vào neo đậu khi có gió bão; (3) Về hạ tầng giống thủy sản: Đầu tư hoàn thành 28 dự án hạ tầng sản xuất giống thủy sản trên cả nước (Trung tâm giống; trại sản xuất giống; vùng sản xuất giống tập trung); (4) Về hạ tầng nuôi trồng thủy sản: Đã đầu tư hoàn thành 89 dự án với diện tích nuôi trồng thủy sản tăng thêm khoảng 48.000ha; (5) Tăng cường năng lực quản lý ngành thủy sản: Đầu tư hoàn thành 02 dự án, tăng cường năng lực trong việc Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định Nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long và quan trắc cảnh báo môi trường phòng ngừa dịch bệnh thủy sản khu vực Miền Bắc.

Năm 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản (giá so sánh năm 2010) đạt 3,05% so với năm 2019, tổng sản lượng đạt 8,4 triệu tấn, tăng 1,8%, trong đó sản lượng khai thác đạt 3,85 triệu tấn, tăng 2,1%, nuôi trồng đạt 4,56 triệu tấn, tăng 1,5%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,4 tỷ USD.

Kết quả thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

2.1. Về chính sách đầu tư

2.1.1. Kết quả thực hiện chính sách đầu tư

a) Về nguồn lực đầu tư: Tổng nguồn vốn thực hiện chính sách đầu tư khoảng 18.470 tỷ đồng, bao gồm: giai đoạn 2014-2015 khoảng 4.000 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 khoảng 14.470 tỷ đồng.

b) Về kết quả đầu tư: Đã đầu tư hoàn thành 191 dự án, bao gồm:

(1) Về cảng cá: Đã đầu tư hoàn thành 28 cảng cá, lượng thủy sản qua cảng đạt khoảng 490 nghìn tấn/năm;

(2) Về khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Đã đầu tư hoàn thành 67 khu neo đậu tránh trú bão với tổng công suất neo đậu tăng thêm khoảng 37.400 tàu vào neo đậu khi có gió bão;

(3) Về hạ tầng giống thủy sản: Đầu tư hoàn thành 28 dự án hạ tầng sản xuất giống thủy sản trên cả nước (Trung tâm giống; trại sản xuất giống; vùng sản xuất giống tập trung);

(4) Về hạ tầng nuôi trồng thủy sản: Đã đầu tư hoàn thành 89 dự án với diện tích nuôi trồng thủy sản tăng thêm khoảng 48.000 ha;

(5) Tăng cường năng lực quản lý ngành thủy sản: Đầu tư hoàn thành 02 dự án, tăng cường năng lực trong việc Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định Nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long và quan trắc cảnh báo môi trường phòng ngừa dịch bệnh thủy sản khu vực Miền Bắc.

Năm 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản (giá so sánh năm 2010) đạt 3,05% so với năm 2019, tổng sản lượng đạt 8,4 triệu tấn, tăng 1,8%, trong đó sản lượng khai thác đạt 3,85 triệu tấn, tăng 2,1%, nuôi trồng đạt 4,56 triệu tấn, tăng 1,5%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,4 tỷ USD.

2.1.2. Về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển thủy sản

Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển thủy sản được địa phương triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Thay thế Nghị định số 210/2015/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ), trong đó các chính sách như: (i) Miễn, giảm tiền sử dụng đất (Điều 5); (ii) Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước (Điều 6); (iii) Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng (Điều 8); (iv) Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt – khoản 5, Điều 9); (v) Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (Doanh nghiệp có dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên; Doanh nghiệp có dự án xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản, khu neo đậu tàu thuyền – Điều 13).

Như vậy, ngân sách Nhà nước bước đầu đã bố trí vốn đầu tư xây dựng chương trình hỗ trợ có mục tiêu thuộc lĩnh vực thủy sản gồm: khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tạo điều kiện cho tàu cá tránh trú bão an toàn, giảm thiệt hại; đầu tư phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản; chương trình phát triển giống thủy sản.

2.2. Về chính sách hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá

2.2.1. Chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá

(Thời gian ký hợp đồng tín dụng thực hiện đến hết ngày 31/12/2017, giải ngân trước ngày 31/12/2018)

- Ngày 19/8/2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3602/QĐ-BNN phân bổ số lượng tàu đóng mới theo Nghị định số

67/2014/NĐ-CP cho các tỉnh, thành phố là 2284 chiếc (*tàu khai thác là 2079 chiếc, tàu dịch vụ hậu cần là 205 chiếc*).

- Từ năm 2014 đến 31/12/2017¹, 04 NHTM (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank) đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp), với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng. Theo báo cáo của các ngân hàng thương mại, đến cuối Quý IV/2025, tổng dư nợ (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) cho vay theo chương trình đạt 7.891 tỷ đồng của 995 tàu, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 7.520 tỷ đồng của 791 tàu, chiếm 95,3% tổng dư nợ. Trong đó tỷ lệ nợ xấu theo địa bàn cụ thể như sau:

Các tỉnh có tỷ lệ nợ xấu 100%: Hải Phòng, Ninh Bình (Ninh Bình và Nam Định cũ), Hà Tĩnh, Đắk Lắk (Phú Yên cũ), Hưng Yên (Thái Bình cũ), Vĩnh Long (Bến Tre và Trà Vinh cũ), Cần Thơ (Sóc Trăng cũ).

Các tỉnh có tỷ lệ nợ xấu dưới 50%: An Giang (Kiên Giang) là **32%**

Các tỉnh có tỷ lệ nợ xấu trên 50% đến dưới 100%: Hồ Chí Minh (Bà Rịa – Vũng Tàu cũ) là **95%**, Quảng Ninh là **86%**, Thanh Hóa là **93%**, Nghệ An là **94%**, Quảng Trị (Quảng Bình và Quảng Trị cũ) là **99%**, Đà Nẵng (Đà Nẵng và Quảng Nam cũ) là **99%**, Quảng Ngãi là **93%**, Thừa Thiên Huế là **99%**, Lâm Đồng (Bình Thuận cũ) là **97%**, Khánh Hòa (Khánh Hòa và Ninh Thuận cũ) là **83%**, Gia Lai (Bình Định cũ) là **98%**, Đồng Tháp (Tiền Giang cũ) là **85%**, Cà Mau (Cà Mau và Bạc Liêu cũ) là **90%**.

2.2.2. Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo Quyết định số 47/QĐ-TTg và Nghị định 17/2018/NĐ-CP)

Quyết định số 47/QĐ-TTg hết hiệu lực từ 31/12/2017 và Nghị định 17/2018/NĐ-CP thực hiện đến hết ngày 31/12/2020.

Tổng số tàu đã được hỗ trợ một lần sau đầu tư là 39 tàu với tổng kinh phí 131,004 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm cơ chế hỗ trợ đóng tàu một lần sau đầu tư là 18 tàu đã được hỗ trợ với tổng kinh phí hỗ trợ là 32,934 tỷ đồng (*Thái Bình 04 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 28,301 tỷ đồng; Quảng Bình 04 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 5,491 tỷ đồng; Quảng Trị 01 chiếc, kinh phí hỗ trợ 6,401 tỷ đồng; Quảng Ngãi 02 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 5,649 tỷ đồng; Bình Định 07 chiếc, kinh phí hỗ trợ 15,364 tỷ đồng*);

- Hỗ trợ theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP: có 21 tàu đã hoàn thành đóng mới (*Nam Định 02 tàu, Nghệ An 03 tàu, Quảng Ngãi 01 tàu, Khánh Hòa 06 tàu, Ninh Thuận 08 tàu, Bình Thuận 01 tàu*) với Tổng kinh phí 98,07 tỷ đồng.

Như vậy, với chính sách tín dụng tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, mục tiêu về hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được: có 42,5% là tàu đóng mới và

¹ Ngày 31/12/2017 là thời điểm dừng thực hiện ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp.

thép, vỏ vật liệu mới, với khoảng trên 50% tàu có công suất từ 800CV trở lên được trang bị hiện đại; góp phần giảm áp lực khai thác vùng biển ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao đời sống của cộng đồng ngư dân ven biển. Các tàu cá vỏ thép có công suất lớn, trang bị hiện đại đi vào hoạt động đã làm thay đổi nhận thức, tác phong làm việc của ngư dân theo hướng công nghiệp; điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu cá được cải thiện và nâng cao. Chính sách đã tạo động lực khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá như cảng cá, các kho đông, kho lạnh. Cơ sở sản xuất nước đá; ngư dân mạnh dạn đầu tư trang bị hiện đại và ứng dụng công nghệ, kỹ thuật khai thác và bảo quản sản phẩm tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất. Mô hình tổ, đội, nghiệp đoàn nghề cá được hình thành, góp phần hỗ trợ nhau trong sản xuất và cứu hộ cứu nạn trên biển khi gặp sự cố. Việc lựa chọn, thẩm định ngư dân được hưởng chính sách theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP được các địa phương thực hiện từ cơ sở đến cấp tỉnh công khai, minh bạch làm cho ngư dân thấy được tính ưu việt của chính sách và chủ động tham gia. Các tàu cá vỏ thép có công suất lớn, trang bị hiện đại đi vào hoạt động đã làm thay đổi nhận thức, tác phong làm việc của ngư dân theo hướng công nghiệp; điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu cá được cải thiện và nâng cao.

2.3. Chính sách cho vay vốn lưu động

- Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, các Ngân hàng thương mại đã thẩm định, ký hợp đồng với 250 chủ tàu và thực hiện giải ngân với tổng số tiền gần 604 tỷ đồng.

- Thực hiện Nghị định 17/2018/NĐ-CP, các tổ chức tín dụng đã cho vay vốn ngắn hạn phục vụ khai thác xa bờ là 5.459 tỷ đồng, chiếm 3,6% tổng dư nợ cho vay toàn ngành khai thác thủy sản.

2.4. Về các chính sách bảo hiểm

- Bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ 39.189 lượt tàu, hỗ trợ 900,71 tỷ đồng;
- Bảo hiểm thuyền viên và 410.532 lượt người, hỗ trợ 123,12 tỷ đồng; Đây là chính sách an sinh đã góp phần giải quyết rủi ro cho người, tàu cá hoạt động trên biển đảm bảo cho ngư dân yên tâm bám biển nâng cao hiệu quả sản xuất.

2.5. Các chính sách khác

2.5.1. Chính sách hỗ trợ đào tạo hướng dẫn thuyền viên

- Các địa phương đã tổ chức đào tạo, hướng dẫn thuyền viên tàu cá vận hành tàu cá vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới cho 3.779 thuyền viên với kinh phí là 17,49 tỷ đồng.

- Qua công tác đào tạo ngư dân được đào tạo đã biết vận hành, sửa chữa nhỏ tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; đảm bảo an toàn và hiệu quả khai thác hải sản trong mỗi chuyến biển.

2.5.2. Chính sách hỗ trợ vận chuyển hàng hóa

Các tỉnh Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Bình, Thừa Thiên – Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu đã thẩm định, phê duyệt hỗ trợ 3.740 chuyên biển với số tiền là 155,54 tỷ đồng cho các tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

2.5.3. Về thiết kế mẫu tàu cá

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BNN quy định yêu cầu kỹ thuật mẫu tàu cá vỏ thép, thành lập Hội đồng thẩm định, gồm các chuyên gia, các nhà quản lý trong ngành thủy sản, hàng hải. Thực hiện khảo sát lấy các mẫu tàu trong, ngoài nước, xin ý kiến các địa phương, ngư dân. Xây dựng, thẩm định và ban hành 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ thép và 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ composite của các nghề chính, lưu ý đây là thiết kế mẫu, người dân có quyền lựa chọn, sử dụng, có thể thay đổi để phù hợp với tập quán nghề nghiệp, sinh hoạt theo các vùng miền, địa phương, nhưng không làm thay đổi tính năng kỹ thuật cơ bản của tàu.

Như vậy, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP mang tính đột phá, đồng bộ, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của đông đảo ngư dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tái cơ cấu ngành thủy sản, phát triển bền vững. Các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách kịp thời, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân tham gia thực hiện chính sách. Về tổng thể, Nghị định 67/2014/NĐ-CP đã tạo được động lực để thúc đẩy nâng cao năng lực của ngành thủy sản phát triển về số lượng tàu cá xa bờ, sản lượng (*số tàu cá xa bờ tăng 27%, số tàu cá ven bờ giảm 12,1%*), tăng sức cạnh tranh, hướng đến nghề cá công nghiệp, hiện đại đóng góp nhất định vào việc bảo vệ trật tự, an ninh và chủ quyền Quốc gia trên biển.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, một số khó khăn, vướng mắc đã được Chính phủ và các Bộ, ngành tích cực tháo gỡ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn một tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục được quan tâm giải quyết, cụ thể:

3.1.1. Khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chính sách

- Về chính sách đầu tư:

+ Việc thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá chưa đạt được theo mục tiêu của Nghị định, ngân sách bố trí để thực hiện chính sách này còn hạn chế (*năm 2015 tăng 30,5% so với 2014; năm 2016 giảm 22,5% so với năm 2015*). Các công trình hạ tầng nghề cá bị xuống cấp, quá tải.

+ Việc thực hiện chính sách đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Tỷ trọng đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật nuôi trồng thủy

sản so với đầu tư hạ tầng toàn ngành còn thấp, nhất là nuôi biển hầu như không được đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích.

- Về chính sách tín dụng:

+ Tín dụng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá:

Đến cuối Quý IV/2025, tổng dư nợ (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) cho vay theo chương trình đạt 7.891 tỷ đồng của 995 tàu, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 7.520 tỷ đồng của 791 tàu, chiếm 95,3% tổng dư nợ, trong đó:

(1) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank): Tổng dư nợ Chương trình (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) còn khoảng 4.136 tỷ đồng, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 3.889 tỷ đồng, chiếm khoảng **94%** tổng dư nợ Chương trình.

(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV): Tổng dư nợ Chương trình (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) còn 3.163 tỷ đồng, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 3.141 tỷ đồng, chiếm khoảng **99%** tổng dư nợ Chương trình.

(3) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank): Tổng dư nợ Chương trình (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) còn 264 tỷ đồng, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 232 tỷ đồng, chiếm khoảng **88%** tổng dư nợ Chương trình.

(4) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank): Tổng dư nợ Chương trình (bao gồm nội bảng và ngoại bảng) còn 294 tỷ đồng, trong đó tổng nợ xấu và nợ ngoại bảng là 258 tỷ đồng, chiếm khoảng **88%** tổng dư nợ Chương trình.

+ Cho vay vốn lưu động đạt thấp so với số ngư dân có nhu cầu, nên nhiều ngư dân khi cần tiền vẫn phải vay qua nậu hoặc vay tín dụng đen. Nguyên nhân do: Mức ưu đãi đối với ngư dân vay vốn lưu động 6,5% là chưa cao trong khi cơ chế cho vay vẫn là cơ chế cho vay thương mại thông thường thủ tục phê duyệt qua nhiều cấp (từ cấp xã lên đến cấp tỉnh) nên chưa tạo điều kiện đối với ngư dân vay vốn lưu động; Phương thức cho vay chưa phù hợp, vay theo mỗi chuyến biển nên hàng tháng phải làm thủ tục vay nên không thuận lợi cho ngư dân.

- Chính sách bảo hiểm:

Mới đáp ứng được 62% tàu cá xa bờ tham gia chính sách bảo hiểm và 56% ngư dân đi khai thác trên biển được hưởng chính sách. Ngoài chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, ngư dân còn được lựa chọn chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg.

- Về các chính sách khác:

+ Số lượng thuyền viên đi trên tàu vỏ thép, vật liệu mới hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu từ 400CV trở lên được đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật còn rất thấp chỉ đáp ứng được khoảng 10% so với yêu cầu thực tế.

+ Chính sách hỗ trợ nhiên liệu đi về cho các tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển rất ít các địa phương tham gia.

+ Chính sách hỗ trợ về thiết kế mẫu: có khoảng 20% tàu cá vỏ thép, vật liệu mới đóng mới sử dụng thiết kế mẫu.

+ Chính sách hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cho tàu vỏ thép: đến nay mới có 05 tỉnh triển khai hỗ trợ từ chính sách này.

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc khi đưa tàu vào hoạt động sản xuất

Về các tàu vỏ thép bị hư hỏng. Ngay sau khi các tàu vỏ thép xuất xưởng, bàn giao cho chủ tàu đưa tàu vào hoạt động sản xuất đã có 41 tàu bị hư hỏng. Trong đó:

+ Có 20 tàu bị hư hỏng nhẹ được các cơ sở đóng tàu, ngư dân và các đơn vị liên quan tiến hành khắc phục, sửa chữa và đi hoạt động bình thường.

+ Có 20 tàu bị hỏng nặng gồm: 05 tàu cá đóng tại Công ty TNHH Đại Nguyên Dương (Nam Định), 15 tàu cá đóng tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu (Hải Phòng) bị hư hỏng nặng, tranh chấp giữa chủ tàu và nhà máy kéo dài đến cuối năm 2017 mới giải quyết xong, hiện các tàu đã đi vào hoạt động bình thường.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép: hiện có 278 tàu chiếm trên 65% tàu cá vỏ thép, chủ tàu không thực hiện duy tu, bảo dưỡng tàu cá theo quy trình. Những tàu cá vỏ thép đã hoạt động trên 30 tháng đã đến chu kỳ kiểm tra trên đà, tuy nhiên các chủ tàu chưa thực hiện đưa tàu lên đà sửa chữa, duy tu theo quy định, dẫn đến nhiều tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu.

- Một số tàu cá vỏ thép chủ tàu tự cải hoán, chuyển đổi nghề, không có văn bản chấp thuận của cơ quan thủy sản địa phương và không có hồ sơ thiết kế cải hoán, chuyển đổi nghề.

Việc không tham gia bảo hiểm, không thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định, không duy tu bảo dưỡng theo quy trình dẫn đến những rủi ro rất lớn cho chủ tàu về an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển, cho Ngân hàng thương mại về việc thu hồi vốn đầu tư và lãi suất theo quy định và ảnh hưởng rất lớn đến tính hiệu quả của chính sách.

3.1.3. Khó khăn, vướng mắc trong quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP

Một là, Chính sách đầu tư quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa làm rõ, chi tiết các hạng mục thiết yếu cụ thể trong đầu tư xây dựng cảng cá, dẫn đến tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, hạng mục cần thi chưa được quan tâm đầu tư. Với chính sách hỗ trợ bảo hiểm, chính sách hỗ trợ đào tạo chưa quy định đối tượng là lao động, tài sản của cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển hoặc người hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn biển, thành viên tổ cộng đồng. Chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép chưa có cơ chế chuyển từ hỗ trợ theo thực tế sang hỗ trợ một lần sau duy tu để tạo thuận lợi cho chủ tàu.

Hai là, Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa có quy định để xử lý đối với các khoản vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và chuyển đổi chủ tàu để cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay trên.

Ba là, Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa quy định các chính sách để tạo đà chuyển dịch từ nuôi trồng theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển nhằm đạt mục tiêu tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia như: chính sách đầu tư hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản, hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển; chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển, đầu tư mới cảng cá do tư nhân làm chủ; hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ... Trong khi đó, do công nghệ phức tạp, đầu tư tốn kém nhưng lợi nhuận thấp, rủi ro lớn nên sản xuất giống cá biển, nuôi biển chưa thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp hay ngư dân². Hiện chưa có cơ sở sản xuất giống cá biển quy mô lớn và hiện đại nên việc cung ứng giống cá biển cho nuôi trồng thủy sản trên biển gặp nhiều khó khăn, nhiều khi thiếu giống cục bộ.

3.2. Nguyên nhân

- Mục tiêu đầu tư cho cơ sở hạ tầng nghề cá không đạt được do nguồn vốn đầu tư cho xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nghề cá còn thiếu, việc cấp vốn dàn trải.

- Việc phê duyệt danh sách chủ tàu đủ điều kiện vay vốn đóng mới một số trường hợp chưa đúng, chủ tàu không am hiểu về nghề, không có nghề. Một số chủ tàu không đủ năng lực để quản lý, vận hành, khai thác tàu mới đóng quy mô lớn, hiện đại. Vì vậy, khi tàu đóng xong đi vào hoạt động đạt hiệu quả thấp.

- Việc phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của địa phương chưa xem xét kỹ đến các yếu tố tác động đến ngành nghề khai thác hải sản, dịch vụ hậu cần hoặc biến động nguồn lợi, khi tàu đi vào hoạt động hiệu quả thấp. Việc ngư dân muốn chuyển đổi nghề gặp nhiều khó khăn do không cho vay vốn bổ sung, nếu chuyển đổi nghề lại không được hỗ trợ lãi suất do thay đổi phương án sản xuất kinh doanh đã phê duyệt.

- Một số tàu hoạt động không hiệu quả như: tàu dịch hậu cần nghề cá do không có bạn hàng, không có vốn tạm ứng cho chủ tàu khai thác nên không mua được cá trên biển; tàu làm nghề câu đóng quá lớn (tải trọng lên đến một hai trăm tấn nhưng sản lượng khai thác chỉ khoảng vài ba tấn); trữ lượng cá thu giảm mạnh nên nghề lưới rê hoạt động không hiệu quả.

- Một số ngư dân có tư tưởng cho rằng đây là chính sách hỗ trợ bằng nguồn vốn của Nhà nước mà chưa hiểu đây là nguồn vốn ngư dân vay của Ngân hàng

² Đến năm 2021 tổng số cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển là 7.447 cơ sở. Trong đó: số cơ sở từ bờ đến 3 hải lý là 6.506 cơ sở, từ 3 đến 6 hải lý là 914 cơ sở, trên 6 hải lý là 27 cơ sở.

thương mại và phải chịu trách nhiệm về khoản vay này nên phát sinh hiện tượng ngư dân chây ỳ, không trả nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ.

- Cơ quan quản lý địa phương còn thụ động, chưa kịp thời nắm bắt thông tin để tháo gỡ vướng mắc cho người dân trong quá trình triển khai các chính sách của nhà nước dẫn đến hiệu quả thấp, tàu nằm bờ.

- Quy chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật đối với tàu vỏ thép ban hành chậm dẫn đến việc tàu vỏ thép đã duy tu, bảo dưỡng nhưng địa phương không xác định được hạng mục, định mức hỗ trợ để hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ để hưởng chính sách, trong khi đó, nhiều chủ tàu thiếu tiền nên chưa thực hiện việc duy tu theo quy định.

- Công tác đào tạo ngư dân trước khi đóng mới tàu chưa làm tốt để người dân có kiến thức giám sát quá trình đóng và sử dụng tàu một cách hiệu quả, cụ thể:

+ Ngư dân hiểu biết về tàu vỏ thép còn hạn chế nên việc giám sát đóng mới tàu cá của chủ tàu chưa đầy đủ, chặt chẽ; một số trường hợp phó mặc cho nhà máy đóng tàu dẫn đến nhiều tàu bị hư hỏng khi đi vào hoạt động;

+ Trình độ kỹ thuật của chủ tàu và lao động trên tàu còn hạn chế, một số ngư dân chưa có kinh nghiệm khai thác ở các vùng biển xa, ngư trường mới, trong khi, nguồn lợi hải sản suy giảm, thời tiết ngày càng diễn biến bất thường đã ảnh hưởng đến hiệu quả đánh bắt của ngư dân;

+ Việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng sử dụng, vận hành tàu cá vỏ thép chậm; chưa phát huy hết tính năng kỹ thuật của các trang thiết bị hiện đại được trang bị trên tàu trong quá trình hoạt động trên biển, thậm chí còn vận hành chưa đúng quy trình kỹ thuật dẫn đến hư hỏng một số trang thiết bị trên tàu;

+ Thiết kế mẫu tàu cá vỏ thép được ban hành, nhưng một số ngư dân yêu cầu nhà máy đóng tàu, đóng theo mẫu tàu vỏ gỗ dẫn đến hệ lụy một số tàu vỏ thép không đảm bảo ổn tính, khai thác tàu không hiệu quả.

+ Chưa nhận thức tầm quan trọng của việc duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép nên tàu bị xuống cấp nhanh, thường xuyên bị hỏng, tàu phải nằm bờ sửa chữa dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

4.1. Chính sách đầu tư

Chưa có chính sách đầu tư Hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản; (2) Đầu tư hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển; (3) Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển, đầu tư mới cảng cá do tư nhân làm chủ; (4) Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (5) Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ.

4.2. Chính sách hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm

Chưa có hỗ trợ kinh phí hằng năm mua bảo hiểm đối với tài sản của cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, tài sản của các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển.

5. Những nội dung khác

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP chưa có quy định để xử lý đối với các khoản vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và chuyển đổi chủ tàu để cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay trên.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Xây dựng mới Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

1. Tiếp tục thực hiện một số chính sách đã được quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành

1.1. Chính sách đầu tư

- *Tiếp tục có cơ chế chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư ngành thủy sản theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ*, trong đó quy định rõ hơn cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư lĩnh vực thủy sản (cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản tập trung, nuôi trồng thủy sản trên biển, ...), qua đó tăng cường nguồn lực đầu tư cho ngành thủy sản thực hiện theo các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Về đầu tư hạ tầng nuôi biển: Cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về cơ chế, chính sách ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư: Hạng mục công trình hỗ trợ; mức hỗ trợ phù hợp với vị trí địa lý của dự án (khoảng cách so với đất liền);

+ Về công tác duy tu, bảo trì công trình: Cần bổ sung quy định địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí duy tu, bảo trì công trình phù hợp với Phương án duy tu, bảo trì công trình được duyệt khi dự án đi vào vận hành.

+ Có cơ chế ưu tiên, khuyến khích đối với các Địa phương chủ động bố trí kinh phí từ NSDP đầu tư hoặc tham gia đầu tư các dự án thủy sản thuộc đối tượng được hưởng các chính sách đầu tư tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

1.2. Chính sách bảo hiểm

Nhằm đảm bảo an toàn cho người và tàu cá trong hoạt động khai thác; người, cơ sở nuôi và vật nuôi trong hoạt động nuôi biển nhằm hỗ trợ rủi ro do thiên tai, tại nạn trong quá trình sản xuất, ngoài việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người và tàu cá trong hoạt động khai thác được quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, bổ sung chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người, cơ sở nuôi, vật nuôi trong nuôi biển. Đây là chính sách an sinh để góp phần giải quyết rủi ro cho ngư dân yên tâm bám biển nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.3. Chính sách đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá

Qua công tác đào tạo ngư dân được đào tạo đã biết vận hành, sửa chữa nhỏ tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; đảm bảo an toàn và hiệu quả khai thác hải sản trong mỗi chuyến biển. Tuy nhiên, số lượng thuyền viên đi trên tàu vỏ thép, vật liệu mới

hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu từ 400CV trở lên được đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật còn rất thấp, chỉ đáp ứng được khoảng 10% so với yêu cầu thực tế.

Hiện nay, nuôi trồng thủy sản trên biển đang là hướng đi mới trong hoạt động thủy sản, góp phần tăng trưởng của ngành và an ninh trên biển. Tuy nhiên, kỹ thuật quản lý và kỹ năng nuôi biển mang tính đặc thù, cần phải được đào tạo mới và có hỗ trợ cho đào tạo.

Nhằm đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật nuôi biển, kỹ năng quản lý nuôi biển, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá có năng lực, kinh nghiệm, trình độ để nâng cao năng suất cũng như chất lượng của sản phẩm, việc đề nghị Chính phủ tiếp tục quy định “*Chính sách đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá, quản lý nuôi biển, kỹ thuật viên nuôi trồng thủy sản trên biển*” là rất cần thiết.

1.4. Chính sách chuyển đổi chủ tàu

Nhằm chuyển đổi chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc chủ tàu đã hoàn thành đóng mới, nâng cấp nhưng không còn đủ khả năng lực để hoạt động khai thác hải sản, chủ tàu mới tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất khi nhận bàn giao tàu và khoản nợ vay từ chủ tàu cũ.

Nhiều chủ tàu mới chỉ đồng ý nhận bàn giao lại tàu và khoản nợ vay tương ứng giá trị thực tế con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao (thấp hơn giá trị khoản nợ của chủ tàu cũ tại ngân hàng); trong khi đó, Nghị định 17/2018/NĐ-CP chưa có cơ chế xử lý chênh lệch giữa giá trị khoản nợ vay của chủ tàu cũ và giá trị thực tế của con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao. Quy định hiện nay chỉ cho phép hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ vay chưa quá hạn (trường hợp chủ tàu mới nhận lại khoản nợ vay bị nợ quá hạn của chủ tàu cũ thì không được hưởng lãi suất), không khuyến khích chủ tàu mới nhận chuyển nhượng tàu.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác thủy sản, việc Chính phủ tiếp tục quy định “*Chính sách chuyển đổi chủ tàu*” là rất cần thiết. Cần sửa đổi, bổ sung các quy định, xây dựng cơ chế xử lý chênh lệch giữa giá trị khoản nợ vay của chủ tàu cũ và giá trị thực tế của con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan và đúng quy định của pháp luật.

1.5. Chính sách hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép

Nhằm giảm áp lực về tài chính cho ngư dân, Nhà nước đã dành một khoản kinh phí để hỗ trợ trong việc duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

Thực tế hiện nay có rất ít địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép; khoảng trên 50% tàu cá vỏ thép, chủ tàu không thực hiện duy tu, bảo dưỡng tàu cá theo quy trình. Những tàu cá vỏ thép đã hoạt động trên 30 tháng đã đến chu kỳ kiểm tra trên đà, tuy nhiên các

chủ tàu chưa thực hiện đưa tàu lên đà sửa chữa, duy tu theo quy định, dẫn đến nhiều tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu. Bên cạnh đó, nhiều chủ tàu thiếu tiền, hoặc đã sửa chữa nhưng thủ tục thanh toán qua nhiều khâu, không tiếp cận được chính sách hỗ trợ.

Việc hỗ trợ một lần, chuyển từ hỗ trợ kèm theo các thủ tục thẩm định, thanh toán chi phí cho chủ tàu cá trong việc duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép sang hỗ trợ 01 lần sau duy tu, bảo dưỡng là phù hợp, thuận lợi cho ngư dân.

2. Bổ sung quy định một số chính sách theo Luật thủy sản 2017 (chưa có trong Nghị định 67/2014/NĐ-CP)

2.1. Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư trong nuôi biển

Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển chưa được quy định. Để hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển; cơ sở sản xuất sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu sản xuất đề ra, việc quy định chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển là rất cần thiết. Cần quy định rõ điều kiện, mức, trình tự thủ tục thực hiện chính sách cho phù hợp. Chính sách này có thể quy định tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP hoặc có thể quy định tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng để đảm bảo tính thống nhất về phạm vi điều chỉnh trong hệ thống pháp luật.

2.2. Chính sách hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm

Đề xuất mức hỗ trợ 40% kinh phí hằng năm mua bảo hiểm đối với tài sản của cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, tài sản của các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển.

3. Bãi bỏ một số chính sách

- Bỏ chính sách hỗ trợ 01 lần cho đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 17.
- Bỏ các chính sách đã có trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TSKN. (LQH)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến